

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của tỉnh Đắk Nông năm 2021, cụ thể như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện năm 2021 là 3.516 tỷ đồng, đạt 150% dự toán Trung ương, 128% dự toán địa phương, tăng 39% so với cùng kỳ năm trước (khoảng 978 tỷ đồng).

(Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN)

Bao gồm: Thu nội địa 2.894 tỷ đồng, đạt 129% dự toán Trung ương, 110% dự toán địa phương, tăng 20% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (khoảng 492 tỷ đồng); Thu xuất nhập khẩu 608 tỷ đồng, đạt 553% dự toán giao, tăng 421% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (khoảng 491 tỷ đồng); Thu huy động đóng góp 15 tỷ đồng, giảm 23% so với cùng kỳ năm trước.

Hầu hết các khoản thu, lĩnh vực thu có đóng góp lớn trong tổng thu NSNN trên địa bàn đều đạt và vượt dự toán được giao, như: Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh; thuế thu nhập cá nhân; lệ phí trước bạ; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; thu xổ số kiến thiết; thu khác ngân sách.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số khoản thu chưa đạt dự toán được giao hoặc thấp hơn so với thực hiện cùng kỳ năm trước như: Thu từ doanh nghiệp nhà nước; thuế bảo vệ môi trường; thu phí, lệ phí; tiền thuê đất, thuê mặt nước,...

* Nhìn chung, thu NSNN trên địa bàn năm 2021 vượt dự toán, tuy nhiên, số thu chưa thực sự bền vững và chủ yếu được đóng góp từ hoạt động xuất, nhập khẩu do công tác đẩy mạnh thông quan các mặt hàng chủ lực của tỉnh làm tăng kim ngạch xuất khẩu, đặc biệt là sản phẩm Alumin; đồng thời, chủ đầu tư các dự

án năng lượng tái tạo trên địa bàn như Dự án Điện gió Đắc N'Drung 1, 2, 3, Dự án điện gió Đắc Hòa, Dự án điện gió Nam Bình,... tập trung nguồn lực triển khai và nhập khẩu máy móc thiết bị. Bên cạnh đó, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp nội địa của một số đơn vị tăng mạnh như Công ty Greenfarm Asia, Công ty Cổ phần chăn nuôi CP, Công ty TNHH Olam, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung, Công ty Thủy điện VRG, Công ty TNHH N&S, Công ty cây xanh Tây Nguyên.

2. Chi ngân sách địa phương (NSDP):

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện năm 2021 (đến hết thời gian chính lý quyết toán) là 7.761 tỷ đồng (bao gồm cả số giải ngân từ nguồn thu chuyển nguồn năm 2020 sang), đạt 110% dự toán giao.

(Chi tiết như Biểu số 61/CK-NSNN)

Bao gồm: Chi đầu tư phát triển 2.951 tỷ đồng, đạt 145% dự toán giao, tăng 2% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; chi thường xuyên 4.808 tỷ đồng, đạt 103% dự toán giao, tăng 2% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; chi trả nợ lãi 1,3 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1 tỷ đồng.

Nhìn chung, chi NSDP năm 2021 cơ bản đạt kế hoạch. Các tháng cuối năm chi NSDP đã được đẩy nhanh nhằm kịp thời đảm bảo nhiệm vụ chi lương, chế độ cho các đối tượng chính sách, các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm như phòng, chống dịch Covid-19, thiên tai và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Đối với chi đầu tư phát triển, UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác đặc biệt thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021, qua đó tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển từ NSNN được cải thiện đáng kể.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của tỉnh Đắc Nông./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắc Nông;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (KV).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mười

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	2.750.000	10.548.930	384	108
I	Thu cân đối NSDP	2.750.000	3.501.663	127	139
1	Thu nội địa	2.640.000	2.893.698	110	120
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	110.000	607.966	553	521
4	Thu viện trợ				
II	Thu huy động đóng góp	-	14.942		77
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	2.247.434		96
IV	Thu kết dư ngân sách		108.280		24
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		193.804		502
VI	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương		4.482.808		92
B	TỔNG CHI NSDP	7.061.816	8.061.569	114	105
1	Chi đầu tư phát triển	2.028.833	2.950.643	145	102
2	Chi thường xuyên	4.670.875	4.807.725	103	102
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.300	1.300	100	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	
5	Dự phòng ngân sách	111.773	-	-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	248.035	-	-	
7	Chi nộp ngân sách cấp trên		300.900		
8	Chi chuyển nguồn sang năm sau		0		
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC		-		



r

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2021 TW giao	Dự toán 2021 ĐP giao	Thực hiện năm 2021	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán TW	Dự toán ĐP	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.344.700	2.750.000	3.516.605	150	128	139
I	Thu nội địa	2.234.700	2.640.000	2.893.698	129	110	120
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	529.600	588.780	510.748	96	87	103
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	22.000	22.000	20.121	91	91	73
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	35.000	73.900	142.076	406	192	200
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	550.000	619.570	683.167	124	110	118
5	Thuế thu nhập cá nhân	115.000	118.350	238.992	208	202	150
6	Thuế bảo vệ môi trường	160.000	160.000	156.571	98	98	102
7	Lệ phí trước bạ	105.000	105.000	180.746	172	172	148
8	Các loại phí, lệ phí	179.700	192.300	186.262	104	97	93
9	Các khoản thu về nhà, đất	395.400	590.100	544.043	138	92	146
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	45			24
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200	200	593	296	296	131
-	Thu tiền sử dụng đất	375.000	450.000	518.969	138	115	146
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20.200	139.900	24.437	121	17	137
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN	-	-	-			
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	50.000	52.000	102.504	205	197	103
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	-	-	156			
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	23.000	23.000	24.164	105	105	114
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-	-	-			
14	Thu khác ngân sách	70.000	95.000	104.147	149	110	106
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	110.000	110.000	607.966	553	553	521
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	44.000	44.000	494.221	1.123	1.123	1.525
2	Thuế xuất khẩu	66.000	66.000	112.312	170	170	134
3	Thuế nhập khẩu			1.429			245
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác			4			
IV	Thu viện trợ						
V	Thu huy động đóng góp	-	-	14.942			77
VI	Thu từ Quỹ						
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP		-	2.700.305			122
1	Từ các khoản thu phân chia			1.187.845			124
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%			1.512.459			121

7



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI NSDP	7.061.816	7.760.669	110	102
I	Chi đầu tư phát triển	2.028.833	2.950.643	145	102
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.028.833	2.855.902	141	103
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng	-	5.000		145
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	89.741		69
II	Chi thường xuyên	4.670.875	4.807.725	103	102
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.969.560	1.955.925	99	102
2	Chi khoa học và công nghệ	16.165	21.022	130	134
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		619.618		108
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		78.842		101
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		40.949		100
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		8.446		90
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	50.428	69.058	137	247
8	Chi sự nghiệp kinh tế		518.312		92
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1.066.409		106
10	Chi bảo đảm xã hội		178.840		74
III	Chi trả lãi các khoản vay	1.300	1.300	100	
IV	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	248.035	-	-	
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	100
VI	Dự phòng ngân sách	111.773	-	-	

